

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2021
V/v: “Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân và ông Phạm Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm 1991

Nơi cư trú: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân D - Sinh năm 1991

Nơi đăng ký thường trú: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Hiện anh D đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T - Cục C10, Bộ Công an (Địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa).

Chị H và anh D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị H trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau: Chị và anh Nguyễn Xuân D tự nguyện kết hôn với nhau ngày 26/11/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Võ Lao, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng, quá trình chung sống do anh D ham chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng đã phải sống ly thân nhau từ năm 2014. Cho đến năm 2019, anh D phạm tội về ma túy, bị kết án tù hiện đang chấp hành án tại Trại giam T (xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa). Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Xuân D.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận chị và anh Nguyễn Xuân D có 01 con chung là Nguyễn Tùng A; sinh ngày 08/01/2015, con vẫn đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ở với chị tại khu 3, xã V, huyện T. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận chị và anh Nguyễn Xuân D không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Xuân D hiện đang chấp hành án phạt tù, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có lời khai trình bày về việc kết hôn, thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Nguyễn Thị Thu H đã trình bày. Đến nay anh D xác định không còn tình cảm vì vậy cũng yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Xuân D trình bày xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Thu H có 01 con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 08/01/2015, con chung vẫn đang do chị Hương trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh D đồng ý để cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con, sau khi chấp hành xong hình phạt tù anh sẽ cấp dưỡng cho con theo quy định.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Nguyễn Xuân D xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Thu H không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn là anh Nguyễn Xuân D đang chấp hành án phạt tù, các đương sự không yêu cầu hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mà nguyên chính là từ phía anh Dương không thực sự có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay, sau đó anh D phạm tội bị kết tù và hiện vẫn đang phải chấp hành án tại Trại giam trong nhiều năm do vậy đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm và mối quan hệ vợ chồng. Nay chị H và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều yêu cầu được ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân D đều xác nhận có 01 con chung như đã trình bày ở trên. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế

hiện nay của mỗi bên thì con chung vẫn đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng từ trước đến nay, anh D đang phải chấp hành án phạt tù nên không đủ điều kiện để nuôi con, bản thân anh D cũng nhận thức được hoàn cảnh hiện nay của mình nên đồng ý để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con sau ly hôn. Do vậy, việc giao con cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn sẽ đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu nuôi con của chị H được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị H tự nguyện không yêu cầu và anh D hiện cũng không có khả năng để cấp dưỡng vì vậy trong vụ án này không buộc anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân D đều trình bày xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của các đương sự và yêu cầu được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Thu H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân D được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tùng A; sinh ngày 08/01/2015 (hiện con chung đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ở cùng chị H tại khu 3, xã V, huyện T). Anh Nguyễn Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Xuân D không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0001699

ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã V, h. T;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn